

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN
LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng Bán niên năm tài chính 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG**

- Mã chứng khoán: **AIG**
- Địa chỉ: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Điện thoại liên hệ/Tel: **028 5416 1386**
- Fax:
- Email:.....
- Website: **www.asiagroup-vn.com**

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm tài chính 2026
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):
 - ☐ Có
 - ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có
 - ☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2026 tại đường dẫn: www.asiagroup-vn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên riêng năm tài chính 2026
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận bán niên 2026 so với cùng kỳ



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 08 năm 2026

**GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG BÁN
NIÊN 2026 SƠ VỚI CÙNG KỲ**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
Tên Tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION
Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 5416 1386
Website: www.asiagroup-vn.com
Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Tùng
Chức danh: Người đại diện theo pháp luật
Loại thông tin công bố:
☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/08/2026, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) phát hành Báo cáo tài chính riêng bán niên 2026 (“Báo cáo”) đã được soát xét bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Công ty xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của bán niên 2026 tăng hơn 10% so với cùng kỳ như sau:

VND

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng 2026	6 tháng 2025	% Movement
50	15. Lợi nhuận thuần trước thuế	732.794.290.192	337.677.369.396	117,01%
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(2.508.000)	-100,00%
60	18. Lợi nhuận sau thuế	732.794.290.192	337.674.861.396	117,01%

Một số nguyên nhân:

- **Mã số 22:** Thu nhập từ cổ tức trong bán niên 2026 là 771,4 tỷ VND, tăng mạnh 104,57% so với bán niên 2025 (377 tỷ VND) để phục vụ cho mục đích M&A theo kế hoạch đề ra bởi Hội đồng quản trị. Ảnh hưởng thuần của các khoản mục khác chỉ chiếm một tỷ lệ không trọng yếu so với cổ tức trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

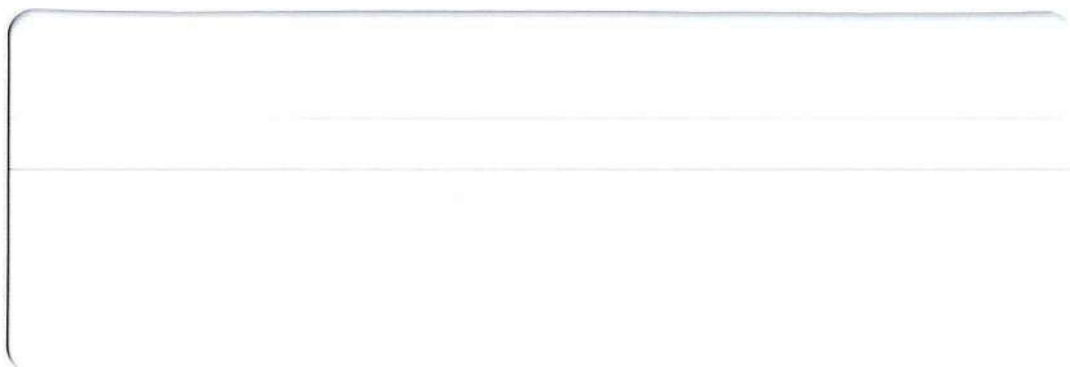
Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



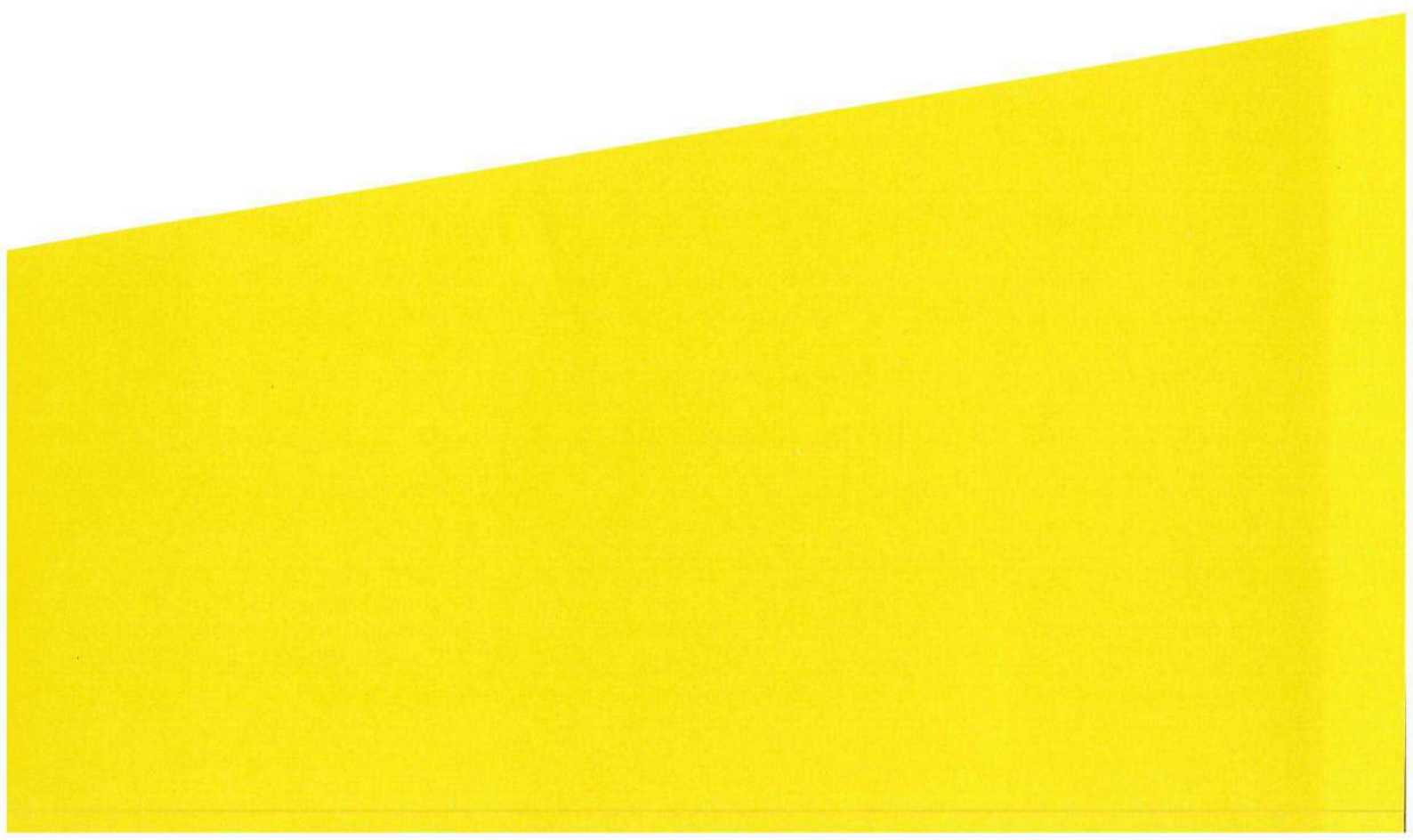
Nguyễn Bảo Tùng





EY

**Shape the future
with confidence**



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 38

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Thu Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành nêu trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngày 28 tháng 8 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU
Á CHÂU AIG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Bảo Tùng



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0012117582/E-69452214/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		938.594.761.942	215.610.542.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.948.263.230	60.822.565.663
1. Tiền	111		5.948.263.230	15.810.853.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.011.712.329
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		244.843.047.956	25.875.890.413
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	244.843.047.956	25.875.890.413
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		669.819.343.995	107.094.571.169
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	93.129.275.961	95.412.790.403
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	7.545.282.500	9.769.141.075
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	7	569.144.785.534	1.912.639.691
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		17.984.106.761	21.817.515.379
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	8	1.961.644.715	2.890.740.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		16.015.822.046	18.920.134.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	13	6.640.000	6.640.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.491.841.767.638	3.607.906.201.928
I. Phải thu dài hạn	210		35.500.000	35.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	7	35.500.000	35.500.000
II. Tài sản cố định	220		5.146.092.485	2.413.646.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.856.954.603	1.470.664.198
Nguyên giá	222		4.551.898.636	1.946.898.636
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(694.944.033)	(476.234.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.289.137.882	942.982.493
Nguyên giá	228		1.569.850.400	1.128.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(280.712.518)	(185.067.507)
III. Bất động sản đầu tư	240	10	94.869.368.960	97.996.930.576
1. Nguyên giá	241		110.500.000.000	110.500.000.000
2. Giá trị khấu hao lũy kế	242		(15.630.631.040)	(12.503.069.424)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250		4.085.000.000	245.900.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		4.085.000.000	245.900.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	11	3.256.772.598.276	3.374.088.917.231
1. Đầu tư vào các công ty con	261	11.1	3.218.121.180.314	3.318.865.707.785
2. Đầu tư vào công ty liên kết	262	11.2	80.000.000.000	80.000.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	11.3	(41.348.582.038)	(24.776.790.554)
VI. Tài sản dài hạn khác	270		130.933.207.917	133.125.307.230
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	8	130.933.207.917	133.125.307.230
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		4.430.436.529.580	3.823.516.744.552

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

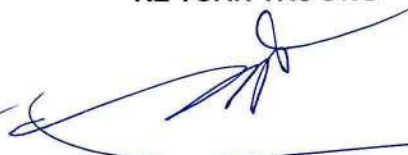
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		419.553.615.356	460.127.471.520
I. Nợ ngắn hạn	310		419.553.615.356	460.127.471.520
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	43.775.963.613	74.079.573.721
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	16	85.300.649.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.009.978.567	1.488.717.302
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	20.173.050.822	20.360.813.773
5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		5.600.000	6.292.928
6. Phải trả ngắn hạn khác	320		193.079.198	91.779.640
7. Vay ngắn hạn	321	15	255.000.000.000	350.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3.16	14.095.294.156	14.100.294.156
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16.1	4.010.882.914.224	3.363.389.273.032
1. Vốn cổ phần	411		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		174.000.000.000	174.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.130.869.934.224	1.483.376.293.032
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		1.398.075.644.032	981.753.062.898
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ	420b		732.794.290.192	501.623.230.134
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.430.436.529.580	3.823.516.744.552

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


Vũ Minh Đức

Nguyễn Thị Ánh Ngọc

Nguyễn Bảo Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17.1	260.910.080.453	17.169.318.472
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17.1	260.910.080.453	17.169.318.472
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	239.299.084.651	11.259.157.733
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.610.995.802	5.910.160.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	17.2	775.897.028.434	378.664.956.428
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23 24	19	28.553.177.855 9.413.958.900	16.106.908.866 16.103.356.157
8. Chi phí bán hàng	25	20	3.717.522.422	20.772.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	32.289.035.018	30.657.697.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		732.948.288.941	337.789.738.571
11. Thu nhập khác	31		1	497.755
12. Chi phí khác	32		153.998.750	112.866.930
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(153.998.749)	(112.369.175)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		732.794.290.192	337.677.369.396
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21.1	-	2.508.000
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		732.794.290.192	337.674.861.396

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Vũ Minh Đức

Nguyễn Thị Ánh Ngọc



Nguyễn Bảo Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	01		732.794.290.192	337.677.369.396
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn	02		3.441.916.222	3.441.721.495
- Dự phòng	03	19	16.571.791.484	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(773.318.534.651)	(378.664.956.428)
- Chi phí đi vay	06	19	9.413.958.900	16.103.356.157
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.096.577.853)	(21.442.509.380)
- Giảm các khoản phải thu	09		4.679.346.736	10.360.754.738
- Tăng hàng tồn kho	10		-	(22.182.192)
- Giảm, tăng các khoản phải trả	11		(30.703.779.133)	6.259.836.050
- Giảm chi phí chờ phân bổ	12		3.121.195.035	527.873.020
- Chi phí đi vay đã trả	14		(9.579.684.931)	(10.720.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.508.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20		(43.584.500.146)	(15.038.735.764)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21		(4.962.566.866)	(1.164.438.750)
2. Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm	23		(220.000.000.000)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24		5.000.000.000	15.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		(1.798.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)	26		99.975.100.000	69.982.600.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		205.495.664.579	135.510.258.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		83.710.197.713	209.328.419.918
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	15	(95.000.000.000)	(90.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	40		(95.000.000.000)	(90.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(54.874.302.433)	104.289.684.154
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		60.822.565.663	25.613.245.018
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	5.948.263.230	129.902.929.172

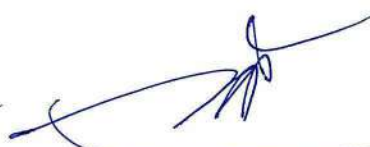
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Vũ Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Ngọc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO



Nguyễn Bảo Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 98 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 90).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 5 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

► **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (31 tháng 12 năm 2025: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 64,06% tỷ lệ sở hữu (trực tiếp: 64,01% và gián tiếp thông qua công ty con: 0,05%) và 64,09% quyền biểu quyết trong AFI (31 tháng 12 năm 2025: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (31 tháng 12 năm 2025: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 5 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II-A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (31 tháng 12 năm 2025: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")**

AHS (trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty này được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Bản Yên Hoà, Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (31 tháng 12 năm 2025: 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (31 tháng 12 năm 2025: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")**

VICTA (trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty này được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (31 tháng 12 năm 2025: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 5 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► *Asia Ingredients Group Singapore Pte. Ltd ("AIS")*

AIS (trước đây là Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. AIS có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của AIS là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong AIS thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết).

► *Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")*

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Tài chính Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 99,32% tỷ lệ sở hữu (trực tiếp: 98% và gián tiếp thông qua công ty con: 1,32%) và 100% quyền biểu quyết trong MDG (31 tháng 12 năm 2025: 99,2% tỷ lệ sở hữu (trực tiếp: 98% và gián tiếp thông qua công ty con: 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết).

► *Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")*

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 85% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI (31 tháng 12 năm 2025: 83% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► *Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")*

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 75,43% tỷ lệ sở hữu và 98% quyền biểu quyết trong AFS thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 75,43% tỷ lệ sở hữu và 98% quyền biểu quyết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 5 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► **Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")**

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Phường Hố Nai, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 52,87% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong GCF (31 tháng 12 năm 2025: 52,87% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFC")**

VFC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500577748 do Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 5 năm 2014 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. VFC có trụ sở chính tại Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VFC là sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc và sữa đậu nành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 52,5% tỷ lệ sở hữu và 99,29% quyền biểu quyết trong VFC thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 52,5% tỷ lệ sở hữu và 99,29% quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VCC")**

VCC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600714322 do Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 1 năm 2005 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. VCC có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Phường Hố Nai, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VCC là sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc và sữa đậu nành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 52,61% tỷ lệ sở hữu và 99,5% quyền biểu quyết trong VCC thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 52,61% tỷ lệ sở hữu và 99,5% quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SWC")**

SWC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500624846 do Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. SWC có trụ sở chính tại Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của SWC là trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 46,53% tỷ lệ sở hữu và 88% quyền biểu quyết trong SWC thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 46,53% tỷ lệ sở hữu và 88% quyền biểu quyết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 5 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty liên kết bao gồm:

► **Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")**

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Tài chính Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 49% vốn chủ sở hữu của TVH thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 49% tỷ lệ sở hữu).

► **Công ty Cổ phần Thực phẩm Nước giải khát Nhiệt đới Sài Gòn ("STD")**

STD là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500654985 do Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 7 tháng 4 năm 2022 và các GCNĐKDN điều chỉnh. STD có trụ sở chính tại Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của STD là sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 20% tỷ lệ sở hữu trong STD thông qua công ty con (31 tháng 12 năm 2025: 20% tỷ lệ sở hữu).

► **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty nắm giữ 40% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (31 tháng 12 năm 2025: 40% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 11*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026, phù hợp với các quy định hiện hành nêu trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99").

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 tại *Thuyết minh số 24*.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất chờ phân bổ

Tiền thuê đất chờ phân bổ bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 trong thời hạn 18 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất chờ phân bổ nói trên được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.14 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo phê duyệt của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ, giá trị được trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.22 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ và không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	53.189.626	144.189.626
Tiền gửi ngân hàng	5.895.073.604	15.666.663.708
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	2.722.786.546	4.089.527.885
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	2.546.241.991	10.844.003.584
- Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác	626.045.067	733.132.239
Các khoản tương đương tiền	-	45.011.712.329
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	-	45.011.712.329
TỔNG CỘNG	5.948.263.230	60.822.565.663

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc và Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc và Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	223.421.054.802	-	-	-
Cho vay (**)	21.421.993.154	-	25.875.890.413	-
TỔNG CỘNG	244.843.047.956	-	25.875.890.413	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn, với kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và kỳ hạn còn lại từ ba (3) đến năm (5) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 7,9%/năm – 8,4%/năm.

(**) Đây là khoản cho bên liên quan vay tín chấp nhằm tài trợ vốn lưu động, chi tiết như sau:

	Số tiền (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients (Thuyết minh số 22)	21.421.993.154	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2026 đến ngày 25 tháng 9 năm 2026	4,75 – 6,95

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu các bên khác	60.655.773.545	77.379.809.023
<i>Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa</i>	39.415.124.880	53.897.595.750
<i>Công ty TNHH FES (Việt Nam)</i>	21.240.648.665	23.448.646.606
<i>Khác</i>	-	33.566.667
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	32.473.502.416	18.032.981.380
TỔNG CỘNG	93.129.275.961	95.412.790.403

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Phan Anh	6.744.000.000	6.564.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Lý Sơn Sa Kỳ	799.282.500	799.282.500
Công ty TNHH MTV HKKL	-	2.257.200.000
Khác	2.000.000	148.658.575
TỔNG CỘNG	7.545.282.500	9.769.141.075

7. PHẢI THU KHÁC

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	569.144.785.534	1.912.639.691
Cổ tức	566.423.140.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.218.760.000	1.428.000.000
Đặt cọc	484.639.691	484.639.691
Khác	18.245.843	-
Dài hạn	35.500.000	35.500.000
Đặt cọc	35.500.000	35.500.000
TỔNG CỘNG	569.180.285.534	1.948.139.691
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	566.423.140.000	-
<i>Phải thu bên khác</i>	2.757.145.534	1.948.139.691

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	1.961.644.715	2.890.740.437
Phần mềm	923.784.800	1.197.795.011
Công cụ dụng cụ	466.905.462	506.115.899
Phí bảo hiểm	417.466.520	364.539.522
Khác	153.487.933	822.290.005
Dài hạn	130.933.207.917	133.125.307.230
Tiền thuê đất	127.176.417.882	127.600.946.184
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.638.738.869	3.780.449.399
Công cụ dụng cụ	257.892.547	487.832.480
Khác	860.158.619	1.256.079.167
TỔNG CỘNG	132.894.852.632	136.016.047.667

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	1.598.035.000	348.863.636	1.946.898.636
- Mua trong kỳ	2.565.000.000	40.000.000	2.605.000.000
Số cuối kỳ	4.163.035.000	388.863.636	4.551.898.636
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu kỳ	(414.667.920)	(61.566.518)	(476.234.438)
- Khấu hao trong kỳ	(183.823.231)	(34.886.364)	(218.709.595)
Số cuối kỳ	(598.491.151)	(96.452.882)	(694.944.033)
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	1.183.367.080	287.297.118	1.470.664.198
Số cuối kỳ	3.564.543.849	292.410.754	3.856.954.603

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Nhà cửa,
vật kiến trúc

Nguyên giá:

Số đầu kỳ và số cuối kỳ 110.500.000.000

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu kỳ (12.503.069.424)

- Khấu hao trong kỳ (3.127.561.616)

Số cuối kỳ (15.630.631.040)

Giá trị còn lại:

Số đầu kỳ 97.996.930.576

Số cuối kỳ 94.869.368.960

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

Số cuối kỳ

Số đầu kỳ

Đầu tư vào các công ty con
(Thuyết minh số 11.1) 3.218.121.180.314 3.318.865.707.785

Đầu tư vào công ty liên kết
(Thuyết minh số 11.2) 80.000.000.000 80.000.000.000

TỔNG CỘNG **3.298.121.180.314** **3.398.865.707.785**

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn
(Thuyết minh số 11.3) (41.348.582.038) (24.776.790.554)

GIÁ TRỊ THUẦN **3.256.772.598.276** **3.374.088.917.231**

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	52,87	515.852.120.465	52,87	515.852.120.465
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	509.543.700.000	73,42	509.543.700.000
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	99,995	450.205.902.488	99,995	450.205.902.488
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Chế biến và bảo quản rau quả	Đang hoạt động	99,32	264.600.000.000	98,00	264.600.000.000
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA (i)	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98	51.271.335.533	99,98	153.813.863.004
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients (ii)	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	85,00	39.148.000.000	83,00	37.350.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00	37.900.000.000	100,00	37.900.000.000
TỔNG CỘNG				3.218.121.180.314		3.318.865.707.785
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 11.3)				(39.685.686.948)		(23.319.525.868)
GIÁ TRỊ THUẬN				3.178.435.493.366		3.295.546.181.917

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA") đã phê duyệt việc giảm vốn điều lệ của VICTA từ 150 tỷ VND xuống 50 tỷ VND theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ. Theo đó, Công ty đã được VICTA hoàn trả một phần vốn góp với số tiền 99.975.100.000 VND, tương ứng với 9.997.510 cổ phần vào ngày 10 tháng 4 năm 2026.
- (ii) Vào ngày 19 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 89.900 cổ phần, tương ứng với 2% tỷ lệ sở hữu, từ cổ đông của Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients với tổng giá trị là 1.798.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01A/2026/NQ-HĐQT/AIG ngày 29 tháng 1 năm 2026. Theo đó, giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients tăng từ 37.350.000.000 VND lên 39.148.000.000 VND, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI của Công ty tăng từ 83% lên 85%.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND	% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	40,00	80.000.000.000	40,00	80.000.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 11.3)				(1.662.895.090)		(1.457.264.686)
GIÁ TRỊ THUẦN				78.337.104.910		78.542.735.314

11.3 Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn

Chi tiết các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	(35.227.914.771)	(17.498.793.182)
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(4.457.772.177)	(4.346.577.220)
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	(1.662.895.090)	(1.457.264.686)
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	-	(1.474.155.466)
TỔNG CỘNG	(41.348.582.038)	(24.776.790.554)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	42.202.267.616	71.002.481.040
Phải trả cho bên khác	1.573.695.997	3.077.092.681
TỔNG CỘNG	43.775.963.613	74.079.573.721

13. THUẾ

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	1.482.317.302	6.050.948.534	(6.529.869.893)	1.003.395.943
Thuế nhà thầu	-	118.158.525	(118.158.525)	-
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Khác	-	182.624	-	182.624
TỔNG CỘNG	1.482.077.302	6.169.289.683	(6.648.028.418)	1.003.338.567
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	1.488.717.302			1.009.978.567
Thuế nộp thừa	(6.640.000)			(6.640.000)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lương tháng 13 và thưởng	14.384.617.000	15.036.237.316
Lãi vay phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	4.641.794.521	4.807.520.552
Khác	1.146.639.301	517.055.905
TỔNG CỘNG	20.173.050.822	20.360.813.773

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Vay từ bên liên quan (*)	350.000.000.000	-	(95.000.000.000)	255.000.000.000
TỔNG CỘNG	350.000.000.000	-	(95.000.000.000)	255.000.000.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động, với ngày đáo hạn từ ngày 9 tháng 7 năm 2026 đến ngày 1 tháng 10 năm 2026 (Thuyết minh số 22).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:				
Số đầu kỳ	1.706.012.980.000	174.000.000.000	981.753.062.898	2.861.766.042.898
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	337.674.861.396	337.674.861.396
Số cuối kỳ	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.319.427.924.294	3.199.440.904.294
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026:				
Số đầu kỳ	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.483.376.293.032	3.363.389.273.032
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	732.794.290.192	732.794.290.192
- Cổ tức công bố (*)			(85.300.649.000)	(85.300.649.000)
Số cuối kỳ	1.706.012.980.000	174.000.000.000	2.130.869.934.224	4.010.882.914.224

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu của Công ty, với tỷ lệ 5% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (500 VND/cổ phần).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu kỳ và cuối kỳ	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	85.300.649.000	-

16.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	219.676.882.250	5.983.227.380
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.233.198.203	11.186.091.092
TỔNG CỘNG	260.910.080.453	17.169.318.472
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	219.715.375.178	6.061.227.380
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	41.194.705.275	11.108.091.092

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập từ cổ tức	771.404.500.000	377.079.096.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.935.359.381	1.081.819.331
Lãi cho vay từ bên liên quan	546.102.741	504.041.097
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.066.312	-
TỔNG CỘNG	775.897.028.434	378.664.956.428

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Giá vốn hàng hóa	207.862.812.500	5.771.135.000
Giá vốn dịch vụ cung cấp	31.436.272.151	5.488.022.733
TỔNG CỘNG	239.299.084.651	11.259.157.733

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.571.791.484	-
Lãi tiền vay	9.413.958.900	16.103.356.157
Lỗ phát sinh từ việc thu hồi vốn đầu tư	2.567.427.471	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.552.709
TỔNG CỘNG	28.553.177.855	16.106.908.866

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng	3.717.522.422	20.772.500
Chi phí vận chuyển	881.292.139	-
Chi phí nhân viên	959.603.185	-
Khác	1.876.627.098	20.772.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.289.035.018	30.657.697.230
Chi phí nhân viên	24.052.726.184	19.901.350.046
Chi phí khấu hao và hao mòn	654.103.037	778.118.509
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	76.324.944	1.148.280.078
Khác	7.505.880.853	8.829.948.597
TỔNG CỘNG	36.006.557.440	30.678.469.730

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	732.794.290.192	337.677.369.396
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	146.558.858.038	67.535.473.879
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(154.280.900.000)	(75.415.819.200)
Chi phí không được trừ	133.200.000	910.136.013
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	2.508.000
Lỗ tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	7.588.841.962	6.970.209.308
Chi phí thuế TNDN	-	2.508.000

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

21.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 163.627.696.916 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 125.683.487.108 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Không được chuyển lỗ tháng 6 năm 2026	Chưa chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2026
2023	2028	17.690.244.000 (*)	-	-	17.690.244.000
2024	2029	51.157.923.583 (*)	-	-	51.157.923.583
2025	2030	56.835.319.525 (*)	-	-	56.835.319.525
2026	2031	37.944.209.808	-	-	37.944.209.808
TỔNG CỘNG		163.627.696.916	-	-	163.627.696.916

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")	Công ty con
Công ty Cổ phần APIS ("APIS")	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")	Công ty con
Asia Ingredients Group Singapore Pte. Ltd ("AIS")	Công ty con
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")	Công ty con
Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")	Công ty con
	(đến ngày 5 tháng 2 năm 2026)
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")	Công ty con
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VCC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SWC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nước giải khát	Công ty liên kết
Nhiệt đới Sài Gòn ("STD")	
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT (từ ngày 12 tháng 5 năm 2026) và Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên HĐQT
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thu Thảo	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 26 tháng 6 năm 2026)
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 26 tháng 6 năm 2026)
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i>
			<i>Kỳ trước</i>
ACC	Cổ tức được chia	475.534.640.000	190.213.856.000
	Nhận cổ tức bằng tiền	130.000.000.000	70.000.000.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.897.102.998	4.233.582.539
	Lãi vay	-	4.919.863.011
AFI	Mua hàng hóa	207.895.219.909	5.771.135.000
	Đi vay	95.000.000.000	-
	Cổ tức được chia	195.875.000.000	117.525.000.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.640.854.975	2.536.043.164
	Lãi vay	9.413.958.900	4.500.205.479
	Lãi vay đã trả	9.579.684.931	2.597.808.219
VICTA	Nhận hoàn trả vốn góp	99.975.100.000	69.982.600.000
	Cổ tức được chia	74.981.360.000	37.490.680.000
	Nhận cổ tức bằng tiền	74.981.360.000	37.490.680.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.763.865.225
	Lãi vay	-	2.804.575.344
APIS	Nhận cổ tức bằng tiền	25.013.500.000	10.005.400.000
	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	3.828.208.869	1.729.745.160
	Mua hàng hóa	-	95.377.760
ACP	Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.828.538.433	844.855.004
	Mua hàng hóa	85.853.602	12.100.000
	Cổ tức nhận bằng tiền	-	5.000.000.000
	Nhận lại gốc cho vay	-	15.000.000.000
	Nhận lãi cho vay	-	194.383.562
	Lãi cho vay	-	83.630.137
ASI	Nhận lại gốc cho vay	5.000.000.000	-
	Lãi cho vay	546.102.741	420.410.960
	Cho vay	-	10.000.000.000
AHS	Lãi vay	-	2.254.273.970
GCF	Mua hàng hóa	22.100.000	-
	Cổ tức được chia	-	21.844.160.000
	Cổ tức thực nhận	-	21.844.160.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
ACP	Cung cấp dịch vụ	18.208.423.095	11.204.553.409
AFI	Cung cấp dịch vụ	5.072.511.426	6.649.421.582
ACC	Cung cấp dịch vụ	7.041.194.756	-
APIS	Cung cấp dịch vụ	2.151.373.139	10.526.389
AHS	Cung cấp dịch vụ	-	168.480.000
		32.473.502.416	18.032.981.380
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn			
ASI	Cho vay	20.000.000.000	25.000.000.000
	Lãi cho vay phải thu	1.421.993.154	875.890.413
		21.421.993.154	25.875.890.413
Phải thu ngắn hạn khác			
ACC	Cổ tức được chia	345.534.640.000	-
AFI	Cổ tức được chia	195.875.000.000	-
APIS	Cổ tức được chia	25.013.500.000	-
		566.423.140.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
AFI	Mua hàng hoá	42.182.012.000	71.002.481.040
ACP	Mua hàng hoá	20.255.616	-
		42.202.267.616	71.002.481.040
Vay ngắn hạn			
AFI	Vay	255.000.000.000	350.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn			
AFI	Lãi vay	4.641.794.521	4.807.520.552

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	570.000.000	580.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	3.936.490.000	2.604.079.834
Ban Kiểm soát		
Thù lao	66.000.000	66.000.000
TỔNG CỘNG	4.572.490.000	3.250.079.834

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đến 1 năm	1.006.630.452	1.006.630.452
Từ 1 đến 5 năm	4.026.521.808	4.026.521.808
Trên 5 năm	35.694.769.304	36.195.526.277
TỔNG CỘNG	40.727.921.564	41.228.678.537

24. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (*Thuyết minh số 3.1*) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	VND	
	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	Số đầu kỳ Trình bày lại (được trình bày lại)
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ		
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	11.712.329 45.011.712.329
Phải thu về cho vay ngắn hạn	25.000.000.000	(25.000.000.000) -
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	25.875.890.413 25.875.890.413
Phải thu ngắn hạn khác	2.800.242.433	(887.602.742) 1.912.639.691

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 15% vốn điều lệ. Vào ngày 5 tháng 8 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 25.590.145 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.706.012.980.000 VND lên 1.961.914.430.000 VND và việc thay đổi này đã được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ 14 vào ngày 25 tháng 8 năm 2026.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08B/2026/NQ-HĐQT/AIG ngày 12 tháng 8 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất thông qua quyết định mua 15.000.000 cổ phần phát hành thêm từ Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet, với tổng giá trị là 150 tỷ VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thành việc mua cổ phần này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

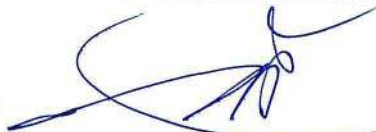
Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Vũ Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Ngọc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**



Nguyễn Bảo Tùng

